

Bản án số: 101/2024/DS-ST

Ngày: 07-11-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Viết Ngoan**.

2. Ông **Tăng Tài Thủ**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Ngọc Gia Hân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ:**
Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 946/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1014/2024/QĐST – DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số B, P, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện theo pháp luật:** Ông **Vũ Quang L**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- **Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn:**

1. Ông **Cao Châu P** – Chức vụ: Phó giám đốc. (Có mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn T** – Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh. (Có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường N, khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.
(Theo văn bản ủy quyền số 265/GUQ-SGB ngày 14.9.2023 và 15/GUQ-2023 ngày 21.12.2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Dương Việt T1**, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Hồng L1**, sinh năm: 1991. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu V, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm: 1985. (Xin vắng mặt)

2. Bà **Trương Thanh T2**, sinh năm: 1987. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 21.12.2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 15.9.2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 534/2022/HĐTDTL– CN và Khế ước nhận nợ số 535/2022/GNN ngày 16.9.2022 với các nội dung chính như sau: Số tiền vay vốn gốc là 3.000.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 16.9.2022 đến ngày 15.9.2023; mục đích vay vốn bổ sung vốn kinh doanh lương thực; lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng theo dư nợ thực tế.

Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn Thanh Q và bà Trương Thanh T2 đồng ý thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/TCTS-2022 ký ngày 15.9.2022 là quyền sử dụng đất có diện tích 88,7m², thửa đất 927, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS06025, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 27.3.2018 hiện do ông Nguyễn Thanh Q đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu tái định cư T văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình vay ông T1 và bà L1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng, dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện về thời gian nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 07.11.2024 số tiền là 3.720.864.330 đồng, trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000

đồng, tổng tiền lãi 720.864.330 đồng và ông T1, bà L1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông T1 và bà L1 không trả nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản của ông Q, bà T2 theo Hợp đồng thế chấp đã ký đảm bảo để thu hồi nợ.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26.7.2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q trình bày:

Ông Nguyễn Thanh Q và bà Trương Thanh T2 là vợ chồng. Ngày 15.9.2022, ông và bà T2 có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/TCTS-2022, thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 88,7m², thửa đất 927, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS06025, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 27.3.2018 hiện do ông Nguyễn Thanh Q đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu tái định cư T văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ để đảm bảo cho khoản vay 3.000.000.000 đồng của ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S. Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông đồng ý, trường hợp ông T1, bà L1 không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý phát mãi tài sản thế chấp. Ngoài ra, do ông bận công việc nên xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án các cấp.

Về phía bị đơn ông Dương Việt T1, bà Nguyễn Hồng L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T2 trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông T1, bà L1 và bà T2 tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T1, bà L1 và bà T2 đều vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn hay yêu cầu gì cho Tòa án.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất 927, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS06025, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 27.3.2018 hiện do ông Nguyễn Thanh Q đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu tái định cư T văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ vị trí thực tế phù hợp giấy đất được cấp.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 07.11.2024 là 3.720.864.330 đồng, trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 106.737.437 đồng, lãi quá hạn là 600.657.534 đồng, lãi chậm thanh toán nợ lãi trong hạn là 13.469.359 đồng. Ông T1, bà L1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 08.11.2024 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông T1, bà L1 không trả nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản ông Nguyễn Thanh Q, bà Trương Thanh T2 thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/TCTS-2022 ngày 15.09.2022 để thu hồi nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 phải thanh toán số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, do trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn không trả nợ gốc và lãi như đã cam kết nên Ngân hàng khởi kiện. Do đó đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bị đơn để tham gia hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Việt T1, bà Nguyễn Hồng L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Q, bà Trương Thanh T2 vắng mặt. Tuy nhiên, ông Q có ý kiến xin vắng mặt; ông T1, bà L1 và bà T2 đã được

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người liên quan vẫn tiếp tục vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng:

Theo tài liệu chứng cứ phía Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp:

Ngày 15.9.2022, ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S theo Hợp đồng tín dụng số 534/2022/HĐTDTL– CN và Khế ước nhận nợ số 535/2022/GNN ngày 16.9.2022 có nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 16.9.2022 đến ngày 15.9.2023).

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh lương thực.

- Lãi suất vay và phương pháp tính lãi: lãi suất trong hạn 10%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, trả lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 của tháng theo dư nợ thực tế. Trả tất nợ gốc khi nợ đến hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên đã tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, đã được thực hiện nên phát sinh hiệu lực. Mặc dù, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ không có công chứng/chứng thực (hình thức hợp đồng không bắt buộc) nhưng đi kèm theo Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm các khoản vay đã được công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, nên có giá trị chứng minh việc vay tiền nêu trên là có thật.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 dù được triệu tập họp lệ nhiều lần vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có gửi tài liệu chứng cứ hay ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

Theo quy định về nghĩa vụ chứng minh tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

[3.2] Xét yêu cầu trả nợ gốc: Ngày 16.9.2022, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay gốc cho ông T1, bà L1. Theo Khế ước nhận nợ thì bên vay phải trả nợ gốc khi nợ đến hạn. Tuy nhiên, khi đến hạn ông T1, bà L1 không thanh toán nợ

cho ngân hàng dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở việc trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1 và bà L1 phải có trách nhiệm trả số nợ gốc là 3.000.000.000 đồng. Xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định số nợ gốc bị đơn chưa trả là đúng. Ông T1, bà L1 không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng buộc ông T1 và bà L1 phải trả số nợ gốc tính đến ngày 07.11.2024 là 3.000.000.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo Khế ước nhận nợ lãi suất cho vay trong hạn: 10% năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm thanh toán đối với nợ lãi trong hạn là 10%/năm. Bên vay phải trả lãi vay định kỳ một tháng/lần vào ngày 25 của tháng, theo dư nợ thực tế. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 26.9.2022. Trong quá trình vay, tính đến ngày 26.6.2023 ông T1 và bà L1 đã trả cho Ngân hàng nợ lãi trong hạn là: 216.637.906 đồng. Từ đó về sau, ông bà không thanh toán nợ lãi cho ngân hàng. Xét thấy, do ông T1 và bà L1 đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nên nay ngân hàng yêu cầu ông bà phải có trách nhiệm trả tổng số tiền lãi tính đến ngày 07.11.2024 là 720.864.330 đồng (trong đó lãi trong hạn là 106.737.437 đồng, lãi quá hạn là 600.657.534 đồng, lãi chậm thanh toán đối với nợ lãi trong hạn là 13.469.359 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11.01.2019 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét hợp đồng thế chấp:

Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Thanh Q, bà Trương Thanh T2 có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/TCTS-2022 ngày 19.5.2022 được Văn phòng Công chứng số 1997, quyền số 02/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất 927, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS06025, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 27.3.2018 hiện ông Nguyễn Thanh Q đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu tái định cư T văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Hợp đồng thế chấp có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và được tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền, nên có hiệu lực. Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định các thửa đất thế

chấp phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Q.

Tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp có nội dung xử lý tài sản thế chấp khi đến hạn mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết ông Q cũng thừa nhận ông và bà T2 có ký hợp đồng thế chấp bảo đảm khoản vay cho bị đơn và cũng đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản nếu ông T1, bà L1 không trả được nợ. Vì vậy, trường hợp nếu ông T1 và bà L1 không trả được nợ vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra Quyết định xử lý tài sản ông Q, bà T2 đã thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thẩm định tài sản với chi phí là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.500.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này và có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 157, 207, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11.01.2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 07.11.2024 là 3.720.864.330 đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm ba mươi đồng*), trong đó: nợ gốc là 3.000.000.000 đồng,

lãi trong hạn là 106.737.437 đồng, lãi quá hạn là 600.657.534 đồng, lãi phạt do chậm thanh toán lãi trong hạn là 13.469.359 đồng.

2. Kể từ ngày 08.11.2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 534/2022/HĐTDTL – CN ngày 15.9.2022 và Khế ước nhận nợ số 535/2022/GNN ngày 16.9.2022.

3. Trường hợp ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 không trả hết nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 105/TCTS-2022 ngày 15.9.2022 là quyền sử dụng đất tại thửa đất 927, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS06025, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 27.3.2018 hiện do ông Nguyễn Thanh Q đứng tên chủ sử dụng đất, đất tọa lạc khu tái định cư T văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Bị đơn ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 phải nộp số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn đã tạm nộp xong số tiền trên nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Dương Việt T1 và bà Nguyễn Hồng L1 phải chịu số tiền 106.417.287 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm mười bảy ngàn hai trăm tám mươi bảy đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt.

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 48.527.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn đồng*) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0005340 ngày 03.5.2024.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu